TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Trần Văn Tám

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm 1976. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn G, huyện G, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/8/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Quốc K trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị L tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường hay cự cải nhau, từ đó chúng tôi sống ly thân cho đến nay.

Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên: Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 02/8/2008. Tôi đồng ý để cho chị L nuôi con, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 28/8/2023 chị Nguyễn Thị L có ý kiến trình bày:

Chị L thống nhất theo lời trình bày của anh K. Chị L và anh K sống như vợ chồng vào năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2014 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung.

Quá trình chung sống chị L và anh K có 01 con chung tên: Trần Thị Mỹ A; sinh ngày 02/8/2008, chị L đồng ý nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Trần Quốc K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn chị Nguyễn Thị L. Đây là tranh chấp việc ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tống tụng: Anh Trần Quốc K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Quốc K là đúng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân:* Anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị L hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý anh K và chị L không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng

giữa anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng anh K và chị L có với nhau 01 con chung tên Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 02/8/2008 anh K và chị L thống nhất giao cháu A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với nguyện vọng của cháu A, phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh K không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung, nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006016 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Anh K không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa anh Trần Quốc K với chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh K và chị L là giao cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 02/8/2008 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Trần Quốc K có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh Trần Quốc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006016 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Anh K không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát N;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ; Nguyễn Hoàng Hổ Nguyễn Tấn L2

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi